

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày 08 – 01 - 2019

V/v tranh chấp về nuôi con của

nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Huỳnh Trúc Duyên

Bà Trần Thị Cúc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hàng Bích Trâm - là Thẩm tra viên

Ngày 08 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 991/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018, về việc tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 892/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thanh N, sinh năm 1996 (có mặt)  
Địa chỉ: Số 2A, đường D, khóm 9, phường K, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1993 (có mặt)  
Địa chỉ: Số 9X, đường S, khóm 5, phường J, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn là chị Trần Thanh N trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:*

Chị và anh T chung sống với nhau khoảng tháng 02/2018, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Anh chị ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay, không liên lạc với nhau. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung, có 01 con chung tên là Trần Ngọc B, sinh năm 2018, hiện nay con đang sống chung với chị. Do anh chị không đăng ký kết hôn nên tại Giấy khai sinh của con không ghi họ tên cha cho con. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định không có.

*Tại bản tự khai và lời trình bày của bị đơn là anh Nguyễn Hữu T trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:*

Về thời gian chung sống đúng như chị N trình bày, do bận công việc nên anh chị không đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị không có mâu thuẫn nhiều, anh chị đã ly thân nhau từ khoảng tháng 10 năm 2018 đến nay. Nay anh xác định vẫn còn thương con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung, có 01 con chung tên là Trần Ngọc B, sinh năm 2018, hiện nay con đang sống chung với chị N. Giấy khai sinh của con là do chị N đi làm, anh không biết Giấy khai sinh của con không ghi tên cha cho con. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị Ngân trực tiếp nuôi con, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nhưng có bao nhiêu thì cấp dưỡng bấy nhiêu, không đồng ý mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng theo yêu cầu của chị N.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác định không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nội dung tranh chấp được xác định là tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân, chị N và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 2 năm 2018, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị xác định có 01 con chung tên là Trần Ngọc B, sinh năm 2018, hiện nay con đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, anh chị thống nhất tiếp tục giao con cho chị N trực tiếp nuôi, sự tự nguyện thống nhất về nuôi con của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Anh T không trực tiếp nuôi con thì phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Mức cấp dưỡng nuôi con mà chị N yêu cầu là 1.000.000đ/tháng là phù hợp với mức thu nhập hàng tháng của anh T, phù hợp với quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày có bản án có hiệu lực pháp luật. Anh T vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T đều xác định không có.

[5] Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 53, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thanh N và anh Nguyễn Hữu T là vợ chồng.

2/ Về con chung: Buộc anh Nguyễn Hữu T giao con chung tên là Trần Ngọc B, sinh năm 2018, hiện nay con đang sống chung với chị N, cho chị N trực tiếp nuôi. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày có bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, anh T phải thanh toán xong khoản tiền cấp dưỡng hàng tháng nêu trên, nếu không thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, chị N phải chịu. Chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0001642 vào ngày 30/11/2018, được đối trừ, chị N đã nộp đủ.

Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (chưa nộp).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Chị N và anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Kim Oanh**

